TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2024
V/v "Tranh chấp xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Kim Dung và bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: ông Trần Mạnh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp xác định cha cho con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Hoàng Bích T, sinh năm 1990; nơi cư trú: C, Bùi Hữu N, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Nguyễn Bảo L, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ I, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2023); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Duy K, sinh năm 1993; nơi thường trú: 62C, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đã công nhận sự thuận tình ly giữa chị Nguyễn Hoàng Bích T và anh Lê Duy K; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hoàng Bích T và anh Lê Duy K tự nguyện thuận tình ly hôn; về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Bảo N2, sinh ngày 05/01/2017, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh K được quyền đi lại thăm hỏi con chung.

Trước khi chị T ly hôn với anh K thì chị T và anh K đã có thời gian sống ly thân với nhau và chị T chung sống với anh Nguyễn Hoàng N3 tại thành phố H. Sau một thời gian chung sống, do không có sự hòa hợp nên chị T và anh N3 chia tay nhau, chị T quay trở về sinh sống tại thành phố Cần Thơ. Chị T có thai với anh N3 trong thời kỳ hôn nhân với anh K. Ngày 26/8/2019, chị T sinh 01 (một) bé gái tại Bệnh viện phụ sản thành phố C. Đến nay, chị T xác định con do chị sinh vào ngày 26/8/2019 là con của anh N3 và chị đề nghị Tòa án xác định anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện phụ sản thành phố C.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành N1 trình bày: anh N1 và chị T quen biết nhau từ năm 2018. Chị T có nói về việc chị và anh Lê Duy K, sinh năm 1993, địa chỉ: F, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã ly hôn. Vì vậy, anh N1 và chị T tìm hiểu và chung sống với nhau tại thành phố H. Sau một thời gian chung sống, do không có sự hòa hợp nên anh N1, chị T chia tay nhau. Sau đó, chị T về Cần Thơ sinh sống. Một thời gian sau anh N1 biết tin chị T mang thai con của anh N1 và chị T. Ngày 26/8/2019, chị T sinh con. Ngày 02/8/2022, anh N1 và con do chị T sinh ra ngày 26/8/2019 đã thực hiện giải trình tự ADN tại Viện Công nghệ di truyền M. Kết quả đã xác định anh N1 và bé gái (theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện phụ sản thành phố C) có quan hệ huyết thống cha- con. Đến nay, anh N1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xác định anh là cha của bé gái (theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện phụ sản thành phố C).

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Duy K: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định pháp luật (mẹ của anh K là bà Trần Thị X nhận và cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng nêu trên cho anh K) nhưng anh K không có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi cho Toà án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Các đương sự: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Duy K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, anh K đã cố tình vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Bích T: xác định anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Nguyễn Hoàng Bích T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện phụ sản thành phố C.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Công văn số 01/2024/CV của Viện Công nghệ di truyền M (bản chính);

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: 01 Giấy chứng sinh số 51 (Bản sao); 01 Kết quả giải trình tự ADN, mã No: KQADN2022 (bản sao); 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (bản sao); 02 căn cước công dân (bản sao);

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp: không có.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc chị Nguyễn Hoàng Bích T và anh Lê Duy K đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

* Nội dung các đương sự (chị T và anh N1) đã thống nhất được: anh Nguyễn Thành N1 là cha đẻ của con do chị Nguyễn Hoàng Bích T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện phụ sản thành phố C.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: do anh Lê Duy K không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên vụ án không thống nhất được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng Bích T "*Tranh chấp xác định cha cho con*", bị đơn là anh Nguyễn Thành N1 có nơi cư trú tại thành phố H. Nên, căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng trong vụ án:

Chị Nguyễn Hoàng Bích T khởi kiện anh Nguyễn Thành N1, yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cha con. Do đó, nguyên đơn trong vụ án được xác định là chị Nguyễn Hoàng Bích T, bị đơn là anh Nguyễn Thành N1.

Ngày 13/12/2023, tại Văn phòng C, chị T đã ủy quyền cho chị Nguyễn Bảo L, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ I, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ khoản 1, 4 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Nguyễn Bảo L được xác định là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Ngày 20/3/2019, chị T và anh Lê Duy K ly hôn. Theo Giấy chứng sinh số 51 của Bệnh viện phụ sản thành phố C thì chị T sinh con 01 (một) con gái vào ngày 26/8/2019. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; Con sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân"*. Do đó, anh Lê Duy K được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự, người đại diện:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 (mẹ của anh K là bà Trần Thị X nhận trực tiếp và cam kết giao tận tay cho anh K), bảo đảm quy định về thủ tục cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đảm bảo đúng quy định.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Bích T:

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh Nguyễn Thành N1, sinh năm sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Nguyễn Hoàng Bích T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện Phụ sản thành phố C. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 20/3/2019, chị T và anh Lê Duy K ly hôn; theo Giấy chứng sinh số 51 của Bệnh viện Phụ sản thành phố C thì chị T sinh 01 con gái vào ngày 26/8/2019. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng; Con sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân".*

Tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện là: Kết quả giải trình tự ADN, mã số No: KQADN2022 của Viện Công nghệ di truyền M. Tại phần II của "Kết quả giải trình tự ADN" đã kết luận: *"Người có mẫu ghi tên Nguyễn Thành N1 có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Bảo A với mức độ tin cậy 99,99%"*.

Tại Công văn số 01/2024/CV ngày 26/3/2024 của Viện Công nghệ di truyền M cung cấp nội dung như sau: *"Ngày 02/8/2022, chúng tôi, Viện Công nghệ di truyền M đã giải trình tự ADN theo yêu cầu giải trình tự ADN của anh Nguyễn Thành N1, cho 2 người: anh Nguyễn Thành N1, sinh 14/02/1994 và Nguyễn Bảo A, sinh 26/8/2019; ngày 04/8/2022 đã trả kết quả mã số No: KQADN2022 với kết luận: người có mẫu ghi tên Nguyễn Thành N1 có quan hệ huyết thống cha con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Bảo A với độ tin cậy 99,999%".*

Tại mục "Dự định đặt tên con" của Giấy chứng sinh số 51 nêu trên để trống (chưa có tên con dự kiến đặt là gì). Tuy nhiên, khi thực hiện giải trình tự ADN, thì đã ghi tên "Con giả định" là Nguyễn Bảo A.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành N1 cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện như nêu trên của nguyên đơn.

Vì vậy, căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng Bích T: xác định anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Nguyễn Hoàng Bích T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện Phụ sản thành phố C.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 5, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, thì bị đơn là anh Nguyễn Thành N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng Bích T: xác định anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994, nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là cha đẻ của con do chị Nguyễn Hoàng Bích T sinh ra ngày 26/8/2019, theo Giấy chứng sinh số 51, quyển số 21 ngày 26/8/2019 của Bệnh viện Phụ sản thành phố C.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Hoàng N3 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- UBND p.Bình Thủy, q. Bình Thủy, tp Cần Thơ.
- UBND p. Hồng Gai, tp Hạ Long;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Tuyết Nguyễn Văn H	**Phạm Ngọc A1**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Hạ Long;
- Chi cục THA Dân sự tp Hạ Long;
- UBND xã Quảng La, tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc An